TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2735/2024/DS-ST
Ngày: 26/6/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hương Thủy;

2. Ông Nguyễn Cửu Long.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 700/2024/TLST-DS ngày 04/4/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4062/2024/QĐXXST-DS ngày 07/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính A

Trụ sở: 91 đường P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hà V, sinh năm 2001; Địa chỉ: Phòng 401, Tầng 4, Tòa nhà H, đường F, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số: 04/2024/GUQ-MAFC ký ngày 01/01/2024 của Công ty tài chính A và Văn bản ủy quyền lại ký ngày 20/01/2024).

2. Bị đơn: Ông Phạm Hải Đ, sinh năm 1985 – (có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 25 đường Đ, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện cho rằng: Ngày 06/04/2023, Công ty tài chính A (gọi tắt là Công ty A) và ông Phạm Hải Đ ký Hợp đồng tín dụng số: 4482570 về việc cấp tín dụng cho ông Phạm Hải Đ với khoản vay trị giá 43.080.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 55%/năm. Sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết, Công ty A đã giải ngân số tiền giải ngân và chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Phạm Hải Đ số tiền 43.080.000 đồng. Theo nội dung thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, ông Phạm Hải Đ có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền là 2.469.183 đồng, trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 01/05/2023 đến ngày 01/04/2026 cho Công ty A. Kể từ ngày được giải ngân đến nay ông Phạm Hải Đ không thanh toán trả góp bất cứ kỳ (tháng) thanh toán nào theo thỏa thuận. Công ty A đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại, gửi thông báo trực tiếp cho ông Đ rất nhiều lần, yêu cầu ông Phạm Hải Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Thế nhưng, ông Phạm Hải Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho phía Công ty A. Nhận thấy, ông Phạm Hải Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ bên vay, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Do vậy, Công ty A đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc ông Phạm Hải Đ phải thanh toán cho Công ty A khoản nợ tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 26/6/2024) với tổng số tiền là 75.759.656 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 43.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 26.285.685 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.656.770 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.737.201 đồng) và buộc ông Phạm Hải Đ phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh từ ngày 27/6/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên.

(2) Tại bản tự khai ngày 25/4/2024, bị đơn ông Phạm Hải Đ đã xác nhận số tiền đã vay, số tiền còn nợ đúng như nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện, hiện tại không có công việc ổn định, đang thất nghiệp mất khả năng thanh toán một lần theo yêu cầu trả nợ của nguyên đơn. Do vậy, ông Đ đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VIB và đề nghị sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngoài ra ông Phạm Hải Đ còn đề nghị Công ty A xem xét giảm một phần tiền lãi. Đồng thời, ông Đ yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, với lý do bận công việc, không có thời gian đến Tòa để giải quyết vụ kiện.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Hải Đ có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn ông Phạm Hải Đ đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung vụ án, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Công ty tài chính A với ông Phạm Hải Đ phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tín dụng thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Hải Đ đăng ký thường trú và thực tế đang cư trú tại địa chỉ: Nhà số 25 đường Đ, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn ông Phạm Hải Đ có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4482570 ngày 04/4/2023 (gọi chung là Hợp đồng tín dụng) giữa ông Phạm Hải Đ với Công ty tài chính A là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được lập thành văn bản được hai bên thừa nhận, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, áp dụng quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Công ty A có cho ông Phạm Hải Đ vay số tiền 43.080.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 55%/năm, mục đích ông Đ vay là tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng. Ông Phạm Hải Đ có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán theo phương thức trả góp hàng tháng với số tiền là 2.469.183 đồng, trả liên tục trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 01/05/2023 đến ngày 01/04/2026. Thế nhưng, kể từ ngày được giải ngân đến nay ông Phạm Hải Đ không thanh toán kỳ thanh toán nào theo thỏa thuận, mặc dù Công ty A đã nhiều lần yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận. Tính đến ngày 26/6/2024, ông Phạm Hải Đ còn nợ Công ty A tổng số tiền là 75.759.656 đồng (trong đó bao gồm: tiền nợ gốc là 43.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 26.285.685 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.656.770 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.737.201 đồng) là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền, Công ty tài chính A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền nợ lãi phát sinh là phù hợp với

thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng tín dụng đã ký và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010 và quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án mở phiên phiên tòa xét xử (ngày 27/6/2024) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Hải Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95, Điều 96, Điều 108 và Điều 111 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 40, Điều 277 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Phạm Hải Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính A tổng số tiền còn nợ là 75.759.656 đồng (trong đó bao gồm: tiền nợ gốc là 43.080.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 26.285.685 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.656.770 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.737.201 đồng).

- Kể từ ngày 27/6/2024, ông Phạm Hải Đ còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 4482570 ngày 04/4/2023 ký kết giữa hai bên, cho đến khi ông Phạm Hải Đ thanh toán xong các khoản nợ cho Công ty tài chính A.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 3.787.983 đồng, buộc ông Phạm Hải Đ phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty tài chính A số tiền tạm ứng án phí 1.586.343 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu: BLTU/23P và số 0026081 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên